TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 29/2025/QĐST-HNGĐ	*Phú Thọ, ngày 24 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 34/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025, giữa:

+ *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988. Địa chỉ: Tổ dân phố C, xã M, tỉnh Phú Thọ.

+ *Bị đơn*: ông Lê Văn B, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ dân phố C, xã M, tỉnh Phú Thọ.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng N (A) – Chi nhánh M – Phòng G. Địa chỉ trụ sở: xóm X, xã B, tỉnh Phú Thọ. Người đại diện: bà Khà Thị Thu H - Giám đốc Phòng giao dịch.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn B thuận tình ly hôn nhau.

2.2. Về con chung: bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn B có 01 con chung là Lê Quang L, sinh ngày 01/12/2018. Khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Quang L.

Ông Lê Văn B nhận nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với bà Nguyễn Thị T ở mức 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng tự lao động hoặc đến khi có quyết định khác của Toà án có hiệu lực pháp luật. Ông Lê Văn B có quyền thăm nom con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Nguyễn Thị T, ông Lê Văn B và A đã tự thoả thuận và đề nghị Toà án ghi nhận như sau:

Tài sản chung gồm có: 01 quyền sử dụng thửa đất số 455 tờ bản đồ số 10, diện tích 133,6m^2, trên đất có căn nhà cấp 4, tại Tổ dân phố C, xã M, tỉnh Phú Thọ (giá trị ước tính 1.530.000.000đ); 01 quyền sử dụng đất 50m^2 tại khu vực nghĩa trang R, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình cũ (giá trị ước tính 25.000.000đ); một xe môtô nhãn hiệu Honda Wave Alpha BKS 35D1-020.14 (giá trị ước tính 20.000.000đ); 01 máy in phun mầu kỹ thuật số (giá trị ước tính 104.000.000đ); 01 máy cắt khắc CNC 1325 dùng trong quảng cáo (giá trị ước tính 32.592.000đ).

Tất cả các tài sản trên thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T nhận nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh của bên vay theo hợp đồng tín dụng số 3004LAV202500724 ký ngày 28/3/2025 với A khi đến hạn.

2.4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T nhận chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng và 150.000 đồng án phí dân sự về việc cấp dưỡng nuôi con chung, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005418, ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ; bà Nguyễn Thị T đã nộp xong các khoản án phí.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- Viện KSND khu vực 16 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 16 - Phú Thọ;
- UBND xã M – Phú Thọ;
(xã V – huyện M – Hoà Bình cũ);
(Nơi đăng ký kết hôn ngày 06/3/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn